

Số: 311 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 23 tháng 11 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học của Trường Đại học  
Sur phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-KĐCLV ngày 03/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh phiên thứ 23 ngày 22 - 23/11/2025;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sur phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIII ngày 23/11/2025 của Hội đồng.

## QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 9 năm 2025 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sur phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu



cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.







## Phụ lục I

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH GIÁO DỤC HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Nghị quyết số: 311/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Mức<br>đánh giá<br>tiêu chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Mức<br>đánh giá<br>tiêu chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                             | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                             | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     | <b>3.67</b>                 | 3.67                        | 3                  | 67                              | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 1.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 3                  | 100                             | Tiêu chí 7.4            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 4                           |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     | <b>3.80</b>                 | 3,80                        | 4                  | 80                              |
| Tiêu chí 2.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.1            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     | <b>3.67</b>                 | 3.67                        | 2                  | 67                              | Tiêu chí 8.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.3            | 3                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 3                  | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     | <b>3.80</b>                 | 3.80                        | 4                  | 80                              |
| Tiêu chí 4.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.1            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.3            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     | <b>3.80</b>                 | 3.80                        | 4                  | 80                              | Tiêu chí 9.4            | 3                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                           |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    | <b>3.67</b>                 | 3,67                        | 4                  | 66,67                           |
| Tiêu chí 5.3            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.3           | 3                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     | <b>4.00</b>                 | Tiêu chí 10.4               | 4                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 4                           | Tiêu chí 10.5               | 4                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 4                           | Tiêu chí 10.6               | 3                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                           | 4.00                        | 7                  | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    | <b>4.20</b>                 | 4.20                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 6.4            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.4           | 5                           |                             |                    |                                 |
|                         |                             |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Mức trung bình          |                             |                             |                    | Số tiêu chí đạt                 |                         |                             | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)   |                    |                                 |
| 3.88                    |                             |                             |                    | 43                              |                         |                             | 86                          |                    |                                 |

*Handwritten signature*



## Phụ lục II

# **CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH GIÁO DỤC HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 311/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2019-2024, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của trình độ thạc sĩ quy định tại Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam; được định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật những vấn đề mới theo quy trình/kế hoạch/hướng dẫn. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có mô tả tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Triết lý giáo dục của Nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau. Việc thiết kế các hoạt động dạy - học tương đối phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Công tác quy hoạch/tuyển dụng đội ngũ giảng viên, nhân viên được triển khai đúng quy định. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nhân viên được xác định theo từng vị trí việc làm, được giám sát. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông; Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng tốt cho việc đào tạo. Đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ được cải tiến. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp, thôi học được theo dõi, phân tích và đề xuất các giải pháp cải tiến.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(1) Nhà trường cần tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan với số lượng nhiều hơn để tiếp thu được nhiều thông tin hữu ích trong quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT. chuẩn đầu ra của CTĐT cần được tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh một số chuẩn đầu ra để chuẩn hóa việc diễn đạt và sử dụng động từ phát





biểu chuẩn đầu ra phù hợp hơn; Ngoài ra, cần bổ sung các yếu tố đổi mới, sáng tạo theo yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, đặc biệt là một số kỹ năng về chuyển đổi số cho người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

(2) Nhà trường nên đa dạng hoá các hình thức công khai bản mô tả CTĐT, bên cạnh đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường có thể sử dụng các nền tảng xã hội, tờ rơi tuyển sinh giúp mọi đối tượng, nhất là những đối tượng ngoài Trường có thể tiếp cận CTĐT và đề cương học phần dễ dàng hơn. Cần tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bằng nhiều hình thức, với số lượng và quy mô đảm bảo đủ lớn để có thể thu thập đầy đủ thông tin, phân tích đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT ngành Giáo dục học. Cần rà soát việc sử dụng động từ diễn đạt chuẩn đầu ra của một số học phần sao cho phù hợp hơn để có thể đo lường, đánh giá được dễ ràng và đáp ứng yêu cầu về trình độ bậc 7; quan tâm hơn nữa đến hoạt động giám sát hỗ trợ người học tự học và tự nghiên cứu.

(3) Khoa cần thiết kế bổ sung hoặc điều chỉnh phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với nội dung của học phần, tránh sự không tương thích giữa nội dung chương mục với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT. Nên tổ chức phân tích và đánh giá một cách bài bản, đầy đủ tổ hợp phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá và có đối sánh nhằm khẳng định mức độ đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT. Cần rà soát sắp xếp thứ tự các học phần phù hợp hơn để đảm bảo tính logic của chương trình dạy học. Nên bổ sung thêm các học phần tự chọn như ngoại ngữ và các học phần liên quan tới kỹ năng áp dụng công nghệ số, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập thuận lợi, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

(4) Nhà trường/Khoa nên có kế hoạch phổ biến, giới thiệu Triết lý giáo dục với các hình thức đa dạng hơn; quan tâm nhiều hơn đến việc hướng dẫn, giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục tới các đơn vị và cá nhân ngoài Trường. Nên thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về nội hàm triết lý giáo dục, nội hàm các giá trị cốt lõi đã được tuyên bố. Quan tâm hơn tới việc lồng ghép nội dung Triết lý giáo dục trong các hoạt động giảng dạy và học tập. Chú trọng hơn nữa đến việc xây dựng và ban hành các quy trình, tiêu chí cụ thể về đánh giá chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy và học. Cần định kỳ tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các phương pháp dạy - học đã vận dụng để cải tiến phương pháp dạy cách học và tự học, tự nghiên cứu cho học viên phù hợp với đặc trưng của CTĐT Giáo dục học.

(5) Khoa cần rà soát, phân tích, bổ sung thêm các hình thức kiểm tra đánh giá đối với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần riêng biệt làm căn cứ cải tiến việc thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá. Cần rà soát lại việc thiết kế rubric từng học phần

ĐƯỢC  
RÚNG  
KIỂM  
HẤT L  
GIÁO  
NG ĐẠI

22



và công cụ kiểm tra đánh giá thích hợp để đánh giá mức độ đạt được mỗi chuẩn đầu ra của CTĐT, nhất là phương thức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm. Nên tổ chức nhiều hơn các đợt tập huấn về thiết kế rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm theo chuẩn đầu ra. Cần có kế hoạch xây dựng và ban hành quy trình đa dạng hóa các phương thức kiểm tra đánh giá đồng thời công bố danh mục các phương thức kiểm tra đánh giá để thể hiện tính đa dạng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên.

(6) Khoa cần cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ cao theo từng đơn vị, lĩnh vực chuyên môn và từng giai đoạn, gắn với lộ trình thực hiện rõ ràng. Xây dựng, ban hành và công bố rộng rãi các cơ chế, chính sách thu hút, giữ chân giảng viên. Tổ chức định kỳ các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực thiết kế, phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học. Xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá khối lượng và kết quả thực hiện các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Rà soát, điều chỉnh phiếu đánh giá, xếp loại hàng năm có định lượng cụ thể hơn nhằm đảm bảo phân hóa rõ ràng mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo đánh giá đúng thực chất, khách quan và công bằng.

(7) Nhà trường cần rà soát tổng thể các văn bản quy định, quy chế; điều chỉnh/bổ sung chức năng nhiệm vụ các đơn vị. Nâng cao chất lượng câu hỏi khảo sát, số lượng đối tượng khảo sát trong việc đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Nâng cao chính sách thu hút, đãi ngộ để tuyển dụng. Rà soát các tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm, chú ý đến các tiêu chí đặc thù của vị trí việc làm ở các đơn vị chức năng. Bổ sung các tiêu chí định lượng (KPIs) để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách khách quan và chính xác. Đẩy mạnh công tác tổng kết, đánh giá tính hiệu quả sau các đợt đào tạo, bồi dưỡng.

(8) Nhà trường cần thực hiện khảo sát định kỳ, đa dạng hóa kênh thu thập ý kiến phản hồi của học viên để cải tiến chính sách tuyển sinh và dịch vụ hỗ trợ; Có cơ chế sử dụng kết quả khảo sát hiệu quả hơn vào cải tiến chất lượng. Tăng cường hoạt động ngoại khóa, tư vấn, hội nghị, hội thảo phù hợp và có sự tham gia của học viên.

(9) Nhà trường cần có rà soát tổng thể cơ sở vật để có giải pháp đầu tư, nâng cấp trang thiết bị. Nghiên cứu chuyển việc việc tổ chức đào tạo thạc sĩ từ cơ sở 1 về cơ sở 2 để tận dụng cơ sở vật chất ở nơi này, phát triển nguồn tài liệu số nội sinh từ các giáo trình do giảng viên Nhà trường biên soạn, tạo ra cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn với người đọc. Đầu tư một cách bài bản hệ thống công nghệ thông tin để điều hành tổng thể các hoạt động của Nhà trường, trong đó có các hoạt động đào tạo và hỗ trợ người học.

28



Nghiên cứu ban bản quy định an toàn trong bảo mật thông tin, để đảm bảo thông tin của Nhà trường đảm bảo tính bảo mật, an toàn trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

(10) Nhà trường cần thực hiện đối sánh giữa các lần khảo sát. Cần tiếp tục rà soát và cập nhật Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT trên cơ sở kết quả rà soát đánh giá quy trình đang thực hiện. Cần xây dựng và ban hành quy định/hướng dẫn cụ thể về cách thức đo lường chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT. Xây dựng lại bộ công cụ khảo sát khoa học hơn; Đồng bộ hoá và có cơ chế giám sát việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các đơn vị. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ giảng viên và học viên công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, kỹ năng số và ngoại ngữ cho học viên nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập và thị trường lao động.

(11) Phân tích, dự báo, và tăng cường giải pháp hỗ trợ người học tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn. Cơ chế giám sát và có các giải pháp hỗ trợ người học chuẩn bị về điều kiện tốt nghiệp đảm bảo phù hợp với thời lượng học tập đã thiết kế. Cần rà soát mẫu phiếu khảo sát người học sau tốt nghiệp để bổ sung thêm các thông tin về vị trí việc làm, phân bổ tỉ khu vực làm việc, quá trình thăng tiến để đánh giá vị trí việc làm của CTĐT, hiệu quả đào tạo và định vị người tốt nghiệp của CTĐT của Trường qua các khoá. Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học với các cơ sở giáo dục ngoài Trường; tìm kiếm hợp tác và mở rộng đối tượng đối sánh về loại hình và số lượng nghiên cứu khoa học. Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan bên ngoài Trường để tham khảo cho công tác cải tiến chất lượng.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.

